

Bản án số: 65/2017/HSST
Ngày: 27-10-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và ông Nguyễn Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2017, tại Nhà văn hóa khu T, thị trấn N, huyện N, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSST ngày 02/10/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/HSST-QĐ ngày 13/10/2017 đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh năm 1987 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H; gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai;

Tiền sự: Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND thị trấn N về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn đối với Trần Văn M về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Tiền án: Bản án số 35 ngày 26/9/2016 của TAND huyện Nam Sách xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2017;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến nay tại trại giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Anh Hoàng Đình L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Khắc D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số 1/54 L Q B, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 19/68 đường T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

5. Anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

6. Anh Vũ Thành H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 121 A T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 12/7/2017, M cùng Mạc Văn H đến nhà anh Đỗ Văn H ở thôn L, xã Q, huyện N chơi. Sau đó, M đi bộ từ nhà anh H đến nhà anh Hoàng Đình L mục đích vay tiền. Khi đến nhà anh L thấy cổng và cửa không khóa, M gọi không có ai trả lời, M đi về phía sau nhà, phát hiện trước cửa bếp có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM- Attila biển số 34B1-675.63 (trong cốp xe có đăng ký xe mang tên Hoàng Thị N) là tài sản riêng của anh L. M đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, quan sát thấy không có người M đã dùng chìa khóa Việt Tiệp có sẵn trong người cắm vào ổ khóa của xe, sau một lúc M đã mở được ổ khóa điện. M dong xe ra ngoài cổng rồi nổ máy đi thẳng đến thành phố H, vào một quán sửa khóa trên đường Đ đánh một chìa khóa điện mới, mở cốp lấy đăng ký xe và đi đến nhà anh Đỗ Văn Q ở đường T, phường B nhờ anh Q đưa đi cầm cố xe. Anh Q không biết xe do M trộm cắp mà có nên đưa M đến quán Game số 42, đường L, phường T để cầm cố cho anh Trần Khắc D. Anh D không biết chiếc xe do M trộm

cấp mà có nên đồng ý nhận cầm cố với giá 3.000.000đ. Số tiền trên M cho anh Q 200.000đ, còn lại đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL ngày 19/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nam Sách kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM-Attila biển số 34B1-675.63 trị giá 15.500.000đ.

Quá trình điều tra còn làm rõ: Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 10/7/2017, M đi bộ từ nhà mình đến nhà anh Trần Văn T ở cùng khu (M và anh T là họ hàng thân thiết), thấy cửa không khóa M đã đẩy cửa đi vào trong nhà đến chỗ bộ máy vi tính để ở cuối giường chơi điện tử, một lúc không thấy anh T nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt bộ máy vi tính gồm bộ CPU màu đen nhãn hiệu Gigabyte, màn hình 19 inch, bàn phím màu đen nhãn hiệu Genius, chuột điều khiển; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 có gắn sim số 01672.262.228. M lấy vỏ chăn màu xanh-nâu nhãn hiệu Versace bọc bộ máy vi tính mang ra ngoài thuê taxi mang sang thành phố H tiêu thụ. Khoảng 05 giờ sáng, M vào nhà anh Vũ Thành H, sinh năm 1983 ở phường B, thành phố H đặt vấn đề cầm cố bộ máy vi tính nhưng anh H không đồng ý. Do không có tiền trả tiền taxi nên M đã đưa chiếc điện thoại Nokia chiếm đoạt được cho người lái taxi, hẹn khi nào có tiền sẽ chuộc lại điện thoại, chiếc sim điện thoại M đã tháo và cất giấu trong người. M mang bộ máy vi tính ra một quán nước không rõ địa chỉ ở thành phố H bán cho một thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ được số tiền 1.000.000đ, số tiền này M đã chi tiêu cá nhân hết. Chiếc vỏ chăn M mang về nhà anh Nguyễn Trọng B, sinh năm 1987 ở khu H, thị trấn N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL và số 24/KL ngày 19/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nam Sách kết luận: bộ CPU màu đen nhãn hiệu Gigabyte, màn hình 19 inch, bàn phím màu đen nhãn hiệu Genius, chuột điều khiển trị giá 2.800.000đ; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 trị giá 100.000đ; 01 vỏ chăn màu xanh-nâu nhãn hiệu Versace trị giá 45.000đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy SYM- Attila biển số 34B1-675.63 và trả cho anh L; thu giữ sim điện thoại và chiếc chăn trả cho anh T.

Tại bản Cáo trạng số 63/VKS-HS ngày 01/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, Điều 33 BLHS; xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 21 đến 24 tháng tù, thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2017; về trách

nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; Điều 117, Điều 131, khoản 2 điều 468 BLDS: Buộc bị cáo Trần Văn M bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 2.900.000đ; hoàn trả cho anh Trần Khắc D số tiền 3.000.000đ; về hình phạt bổ sung và vật chứng: Không áp dụng; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm;

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận quyết định truy tố của VKS nhân dân huyện Nam Sách là đúng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ 20 phút ngày 10/7/2017, tại nhà anh Trần Văn T ở khu H, thị trấn N, huyện N, Trần Văn M đã lén lút chiếm đoạt của anh T bộ máy vi tính gồm CPU màu đen nhãn hiệu Gigabyte, màn hình 19 inch, bàn phím màu đen nhãn hiệu Genius, chuột điều khiển tổng trị giá 2.800.000đ; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 trị giá 100.000đ; 01 vỏ chăn màu xanh-nâu nhãn hiệu Versace trị giá 45.000đ. Tổng là 2.945.000đ;

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 12/7/2017, tại nhà anh Hoàng Đình L ở thôn L, xã Q, huyện N, Trần Văn M đã lén lút chiếm đoạt của anh Hoàng Đình L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM- Atilla biển số 34B1-675.63 trị giá 15.500.000đ;

Tổng giá trị tài sản hai lần chiếm đoạt là 18.445.000đ.

[3] Hành vi của Trần Văn M lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ vào trị giá tài sản chiếm đoạt, hành vi của bị cáo M cấu thành tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xem xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Tuy nhiên, bị cáo M có 01 tiền án chưa được xóa án tích theo Bản án số 35 ngày 26/9/2016 của TAND huyện Nam Sách xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2017 nên lần phạm tội này là tái phạm. Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/7/2017 và ngày 12/7/2017, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS. Ngoài ra, bị cáo có 01 tiền sự theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND thị trấn N về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn đối với Trần Văn M về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Hoàng Đình L đã nhận lại chiếc xe máy nhãn hiệu SYM- Attila biển số 34B1-675.63; anh T đã nhận lại sim điện thoại số 01672.262.228 và vỏ chăn màu xanh nâu nhãn hiệu Versace. Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết; chiếc chìa khóa Việt Tiệp không thu giữ được nên không có căn cứ xem xét. Đối với bộ máy vi tính gồm CPU màu đen nhãn hiệu Gigabyte, màn hình 19 inch, bàn phím màu đen nhãn hiệu Genius và chuột điều khiển tổng trị giá 2.800.000đ; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 trị giá 100.000đ không thu giữ được, anh T có yêu cầu bồi thường nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh T giá trị thành tiền là 2.900.000đ.

[8] Sau khi phạm tội, bị cáo đã cầm cố chiếc xe máy của anh L cho anh Trần Khắc D với giá 3.000.000đ. Chiếc xe máy đã thu hồi trả cho chủ sở hữu vì vậy xác định giao dịch giữa bị cáo và anh D là vô hiệu, anh D yêu cầu bị cáo M hoàn trả số tiền 3.000.000đ là có cơ sở. Căn cứ Điều 42 BLHS; Điều 122, Điều 131, khoản 2 điều 468 BLDS, buộc bị cáo M hoàn trả cho anh D số tiền 3.000.000đ.

[9] Anh Trần Khắc D khi cầm cố chiếc xe máy không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý, tuy nhiên anh D cầm cố tài sản thuộc sở

hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ nên Công an huyện Nam Sách đã xử lý vi phạm hành chính là phù hợp. Đối với người mua bộ máy vi tính của M và người lái xe taxi không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ giải quyết. Đối với anh Đỗ Văn Q là người đưa M đi cầm xe nhưng không biết xe máy là do M trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; phải bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g (phạm tội nhiều lần, tái phạm) khoản 1 Điều 48, Điều 33 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M **18 (mười tám) tháng tù**, thời gian tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2017;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; Điều 122, Điều 131, khoản 2 Điều 468 BLDS: Buộc bị cáo Trần Văn M phải bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 2.900.000 (*hai triệu chín trăm nghìn*) đồng; bồi thường cho anh Trần Khắc D số tiền 3.000.000 (*ba triệu*) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326 về án, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Sở TP tỉnh HD;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND thị trấn Nam Sách;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn